TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 265/ 2022/DS-PT
Ngày: 28/12/2022
V/v "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông **Nguyễn Tấn Trường**

Các thẩm phán: ông **Vũ Thanh Liêm** và ông **Lê Phước Thanh**

- Thư ký phiên tòa: bà **Dương Thị Tuyết Trinh**, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Trần Viết Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 150/TLPT-DS ngày 01 tháng 10 năm 2022 về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất";* do Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2022/DS-ST ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 400/2022/QĐ-PT ngày 01 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** ông ***Lê Văn N,*** sinh năm 1936; địa chỉ: phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông ***Trịnh H A,*** sinh năm: 1959; trú tại: tỉnh Quảng Nam; địa chỉ liên lạc: thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- **Bị đơn*:*** ông ***Đặng Văn M;*** địa chỉ: thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: ông ***Trương Ngọc A,*** sinh năm: 1981; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. ***Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Quảng Nam;*** địa chỉ: huyện D, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Hồ Minh C – Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường. Có đơn vắng mặt.

2. Ông ***Lê Văn M,*** sinh năm: 1934; địa chỉ: huyện D, tỉnh Quảng Nam;

3. Bà ***Lê Thị M,*** sinh năm: 1937; địa chỉ: huyện D, tỉnh Quảng Nam;

4. Bà ***Lê Thị B,*** sinh năm: 1949; địa chỉ: huyện D, tỉnh Quảng Nam;

5. Bà ***Lê Thị C,*** sinh năm: 1954; địa chỉ: huyện D, tỉnh Quảng Nam;

6. Bà ***Lê Thị H,*** sinh năm: 1957; địa chỉ: huyện D, tỉnh Quảng Nam;

Người đại diện theo ủy quyền cho ông (bà) M, M, B, C, H: bà ***Trần Thị B,*** sinh năm: 1968; địa chỉ: phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

7. Bà ***Lê Thị H,*** sinh năm 1971; địa chỉ: huyện D, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Lâm Văn N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng:

Diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc của cha ruột ông N là ông Lê T *(Lê Văn T)*, là một phần của thửa đất số 792, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.444m^2 tại xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam; đất đã được Ủy ban nhân dân huyện D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê T vào năm 1995. Sau khi ông T chết, các anh em trong nhà nguyên đơn đo đạc lại thửa đất thì phát hiện thửa đất của bị đơn chồng lấn lên thửa đất số 792 diện tích 41m^2 và vì thiếu đất nên các anh em trong nhà nguyên đơn không lập được thủ tục thừa kế thửa đất. Khi khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại diện tích đất 41m^2; trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, và tại phiên tòa sơ thẩm, phía nguyên đơn xác định diện tích đất tranh chấp là 46,5m^2 theo biên bản làm việc với Tòa án ngày 28 tháng 4 năm 2022 *(vị trí, tứ cận, tọa độ thể hiện tại sơ đo chiết tách phần diện tích chồng lắp được đánh dấu số 2)* thuộc thửa đất 792, tờ bản đồ số 02, tại xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam.

Trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cho rằng:

Năm 2012, ông M nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị H đúng pháp luật và đến ngày 13 tháng 9 năm 2012, Ủy ban nhân dân huyện D đã cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông M đối với thửa đất số 1035, tờ bản đồ số 02, diện tích 200m^2 nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không có cơ sở.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có ý kiến như sau:

Đại diện ủy ban nhân dân huyện D cho rằng việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đặng Văn M đối với thửa đất số 1035, tờ bản đồ số 02, diện tích 200m^2 là đúng pháp luật nên không chấp nhận quan điểm của nguyên đơn về yêu cầu hủy quyết định cá biệt.

Đại diện cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị B

đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2022/DS-ST ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Căn cứ vào các điều 26, 34, 37, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính; các điều 158, 164, 166, 356 Bộ luật Dân sự 2015; các điều 3, 12, 100, 166, 179, 203 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Văn N về việc buộc bị đơn Đặng Văn M trả lại 3,8m^2 đất thuộc thửa đất số 792, tờ bản đồ số *02, tại xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam cho các đồng thừa kế của ông Lê T* (gồm: Lê Văn N, Lê Văn M, Lê Thị M, Lê Thị B, Lê Thị C, Lê Thị H); *không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với 42,7m^2 đất* (vị trí diện tích đất tranh chấp, diện tích đất chấp nhận yêu cầu khởi kiện được thể hiện trên bản vẽ kèm theo bản án);

2. Không hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK898823 do Ủy ban nhân dân huyện D cấp cho bà Phạm Thị H, chỉnh lý biến động sang tên cho ông Đặng Văn M ngày 13 tháng 9 năm 2012 đối với thửa đất số 1305, tờ bản đồ số 02, tại xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 13/7/2022, nguyên đơn ông Lê Văn N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; đề nghị sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, bị đơn đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công trực tiếp giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án, về việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu để tham gia xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Văn N, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2022/DS-ST ngày 05/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự và của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các đương sự được triệu tập hợp lệ, tuy nhiên có một số đương sự vắng mặt không rõ lý do, theo đề nghị của các đương sự có mặt tại phiên tòa và của kiểm sát viên, HĐXX thấy đây là phiên tòa được triệu tập lần thứ hai, các đương sự đều nhận được Giấy triệu tập hợp lệ, việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên thống nhất quyết định tiếp tục tiến hành phiên tòa.

[2] Về nội dung: xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn N cho rằng: ngày 18/3/1995 ông Lê T (Lê Văn T - cha ông N) được UBND huyện D cấp 1.444m^2 đất thổ cư có số thửa 792, tờ bản đồ số 02 thôn H, xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam theo giấy CNQSDĐ số E 0551951. Ngày 10/3/2004 ông T chết không để lại di chúc. Ngày 22/11/2019 những người thừa kế của ông T lập thủ tục thừa kế thì phát hiện thửa đất bị thiếu 41m^2 là do ông Đặng Văn M có thửa đất liền kề lấn chiếm, nên khởi kiện yêu cầu ông M phải trả lại 41m^2 đất. HĐXX thấy rằng:

[2.1] Qua xem xét thẩm định thực tế tại hồ sơ thể hiện cạnh bên phải thửa đất của ông T (phía Tây) là thửa đất trống do UBND xã D quản lý; tiếp đến là thửa đất 200m^2 có số thửa 1305, tờ bản đồ số 02 của ông Phạm Văn K và bà Võ Thị T được UBND huyện D cấp Giấy CNQSDĐ số AD 499228 ngày 22/6/2006. Ngày 22/3/2007 vợ chồng ông K bà T chuyển nhượng cho bà Trần Thị H thửa đất trên và bà H được cấp Giấy CNQSDĐ số AH 509935 ngày 06/8/2007. Ngày 30/8/2012 bà H chuyển nhượng cho ông Đặng Văn M thửa đất trên và ông M được cấp Giấy CNQSDĐ số BK 898823 ngày 13/9/2012.

[2.2] Như vậy, thửa đất có diện tích 200m^2 của ông M được chuyển nhượng qua 03 người sử dụng, nhưng tứ cận vẫn không thay đổi. Ở giữa của thửa đất ông Lê Văn N (con ông Lê T) và thửa đất ông Đặng Văn M còn có rẻo đất do UBND xã D quản lý chưa được giao cho ai sử dụng, vì thửa đất có hình dạng không cân đối, đất rẻo, chéo góc. Do vậy khi cấp đất lần đầu cho vợ chồng ông K bà T thì có khoảng 1/3 thửa đất của ông K bà T (góc trái hướng Nam - phía sau) nằm trên phần rẻo đất này; trong đó phần góc khoảng 3,8m^2 nằm trên thửa đất của ông N. Do ông N đo đạc ban đầu thấy thửa đất của ông thiếu 46m^2, nên ông nghĩ là ông M lấn qua đất của ông, nhưng thửa đất của ông M vẫn ổn định ranh giới, tứ cận và diện tích 200m^2 như được giao ban đầu. Việc thiếu đất của ông N là do thửa đất của ông N có vị trí ngay ngã tư cầu H; trong quá trình chỉnh trang mở rộng đường bộ và bồi đắp bờ kè đường sông B có ảnh hưởng đến diện tích đất của ông N là có căn cứ. Quá trình hoà giải việc tranh chấp đất giữa hai bên ở cơ sở, các cơ quan chức năng địa phương cũng đã nêu nguyên nhân đất của ông N thiếu là do trong đó có việc trước đây ông N tự nguyện hiến đất để mở đường bộ, đắp kè sông; nay địa phương có giải pháp là sẽ giao rẻo đất chéo chưa sử dụng còn lại

bên cạnh đó cho ông N để bù đắp vào diện tích đất bị thiếu nhưng ông N không đồng ý.

[3] Từ những nhận định trên đây; xét thấy án sơ thẩm đã xem xét đánh giá chứng cứ toàn diện của vụ án, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn N là có cơ sở. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện ông N kháng cáo yêu cầu chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của ông nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới làm thay đổi bản chất sự việc. Do vậy HĐXX không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn N, giữ nguyên Bản án sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà là có căn cứ.

[4] Do kháng cáo của ông Lê Văn N không được chấp nhận nên ông phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; tuy nhiên ông N là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1/ Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Văn N; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2022/DS-ST ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ vào các điều 26, 34, 37, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính; các điều 158, 164, 166, 356 Bộ luật Dân sự 2015; các điều 3, 12, 100, 166, 179, 203 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1.1 Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Văn N về việc buộc bị đơn Đặng Văn M trả lại 3,8m^2 đất thuộc thửa đất số 792, tờ bản đồ số *02, tại xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam cho các đồng thừa kế của ông Lê T* (gồm: Lê Văn N, Lê Văn M, Lê Thị M, Lê Thị B, Lê Thị C, Lê Thị H); *không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với 42,7m^2 đất* (vị trí diện tích đất tranh chấp, diện tích đất chấp nhận yêu cầu khởi kiện được thể hiện trên bản vẽ kèm theo bản án);

1.2 Không hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK898823 do Ủy ban nhân dân huyện D cấp cho bà Phạm Thị H, chỉnh lý biến động sang tên cho ông Đặng Văn M ngày 13 tháng 9 năm 2012 đối với thửa đất số 1305, tờ bản đồ số 02, tại xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam.

2/ Án phí dân sự phúc thẩm: ông Lê Văn N được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (28/12/2022).

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Trường